

Bản án số: 132/2018/HS-PT

Ngày: 11-6-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Trọng Hân**

Ông **Lê Lâm Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Đạt** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2018/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Trần Hoài N và Trần Tuấn K do có kháng cáo của các bị cáo và các bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 54/2018/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P Q, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Trần Hoài N (T), sinh năm 1990, tại: P Q, K G; Nơi cư trú: khu phố 6, thị trấn D Đ, huyện P Q, K G; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 8/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Hoài N và bà Nguyễn Thị B; Vợ: Lương Hoàng O, sinh năm 1992; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác. (Có mặt).

2. Trần Tuấn K (Ú), sinh năm 1995, tại: P Q, K G; Nơi cư trú: khu phố 6, thị trấn D Đ, huyện P Q, K G; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Hoài N và bà Nguyễn Thị B; Vợ: Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1994; Con có 01 người sinh năm 2017; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/10/2017 đến ngày 12/02/2018 được tại ngoại đến nay. (Có mặt).

- Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Trần Tuấn K:

Luật sư **Phạm Anh Vũ** – Văn phòng luật sư Phạm Anh Vũ – Đoàn luật sư tỉnh K G. (Có mặt)

- Người bị hại có kháng cáo:

1. Huỳnh Xuân T, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B V, xã H N, huyện P Q, K G.

2. Nguyễn Thị M, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bãi V, xã Hàm N, huyện P Q, K G.

(Trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Vũ T, Trần Tấn P, Nguyễn Thái B, Nguyễn Văn D không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 14/9/2017 Trần Hoài N đến phòng trọ của Nguyễn Văn D thuộc khu phố 10, thị trấn Dương Đ, huyện P Q rủ D đi cưỡng đoạt tài sản bằng hình thức lấy tiền bảo kê tiệm gà của anh Huỳnh Xuân T và Nguyễn Thị M tại ấp Bãi Vòng, xã Hàm N, huyện P Q. D đồng ý, Như gọi điện thoại cho Trần Tuấn K và Nguyễn Vũ T cùng đi và hẹn gặp nhau tại ngã ba Hàm N (ngã ba số 10), K và T đồng ý. Khi đi, K rủ Nguyễn Thái B đi cùng, Nguyễn Vũ T cũng rủ Trần Tấn P. Khi đến ngã ba Hàm N, N kêu D chở Trí đi chỉ địa điểm bán gà của vợ chồng anh T và chị M rồi quay lại ngã ba Hàm N. Tại đây N kêu K chở B, T chở Ph đi đến tiệm bán gà của vợ chồng anh T, còn N và D đứng đợi. Đến nơi, T và K bước vào tiệm bán gà của anh T, T nói: “Ai cho mấy người bán gà phá giá” đồng thời dùng chân đá ngã cây cân dùng để cân gà và dùng tay cầm ghế ngựa ném vào cửa uy hiếp tinh thần vợ chồng anh T, rồi nói “Muốn buôn bán yên ổn thì phải nộp tiền bảo kê mỗi tháng 5.000.000 đồng, nếu không chúng tôi sẽ đốt hết gà không cho buôn bán”, vợ chồng anh T năn nỉ và nói không có tiền vì hoàn cảnh khó khăn. Thấy vậy, K nói mỗi tháng 3.000.000 đồng cũng được, nhưng vợ chồng anh T cũng không có tiền để đưa. Cả nhóm tiếp tục dùng lời nói đe dọa vợ chồng anh T; K hăm dọa nếu không đưa tiền sẽ mua xăng về đốt gà. Do vợ chồng anh T không có tiền để đưa nên cả nhóm bỏ đi mua nước uống, khoảng 10 phút sau thì quay lại tiếp tục đòi tiền bảo kê. K bước vào câu cổ anh T đi vào trong nhà và nói “Nếu không có tiền thì đưa trước 1.000.000 đồng”, anh Toàn đã đưa cho K 1.000.000 đồng; T kêu chị M đưa thêm 02 con gà (không rõ trọng lượng). Lấy được tiền và gà cả nhóm quay lại gặp N và D. K báo lấy được của ông Toàn 1.000.000 đồng và 02 con gà.

Sau đó, Kiệt chở Bão mang 02 con gà đến quán nhậu Hằng thuộc khu phố 10, thị trấn D Đ để gửi cho quán làm mồi nhậu. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì N, K, T, D, Bão và P đến quán Hằng nhậu, K dùng 1.000.000 đồng tiền cưỡng đoạt của anh T để chi trả tiền quán và tiêu xài hết.

Đến khoảng 12 giờ, ngày 02/10/2017, Trần Tuấn K điều khiển xe mô tô hiệu YAMAHA, loại Exciter 150 màu đen, biển số 68P1-401.43 tiếp tục đến tiệm gà của anh Huỳnh Xuân T lấy tiền bảo kê cho việc bán gà của anh T là 1.000.000 đồng thì bị Công an bắt quả tang.

Tang vật thu giữ:

- Tiền Việt Nam: 1.000.000 đồng, đã trả cho chủ sở hữu;
- 01 xe mô tô hiệu YAMAHA, loại Exciter 150 màu đen, biển số 68P1-401.43, số máy: G3D4E472480, số khung: 0610HY451359, đã qua sử dụng;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 027027, biển số đăng ký 68P1-401.43 do Trần Tuấn K đứng tên chủ sở hữu;

Tại công văn số 04/CV-HĐĐG ngày 23/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện P Q về việc từ chối định giá tài sản vì tài sản định giá là 02 con gà không rõ kích thước và trọng lượng nên không xác định được giá trị tài sản;

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 54/2018/HSST ngày 11/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện P Q, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Hoài N và Trần Tuấn K** phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 135; Điều 20; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt: **Trần Hoài N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo vào chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 135; Điều 20; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt: **Trần Tuấn K 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo vào chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 02/10/2017 đến ngày 12/02/2018.

***Về biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999;

Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước 01 xe mô tô hiệu YAMAHA, loại Exciter 150 màu đen, biển số 68P1-401.43, số máy: G3D4E472480, số khung: 0610HY451359, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 027027, biển số đăng ký 68P1-401.43 do Trần Tuấn K đứng tên chủ sở hữu.

(Tang vật trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/3/2018);

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13/4/2018, bị cáo Trần Hoài N có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên.

Ngày 11 và ngày 19/4/2018, bị cáo Trần Tuấn K có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ và xin lại chiếc xe đã bị tịch thu.

Ngày 19/4/2018, các bị hại Huỳnh Xuân T và Nguyễn Thị M kháng cáo xin cho bị cáo Như và bị cáo Kiệt được hưởng án treo và cải tạo không giam giữ

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hoài Như và Trần Tuấn Kiệt thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đã xét xử các bị cáo về tội “Cuồng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự là đúng tội và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Các người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo, giảm cho mỗi bị cáo 03 tháng tù, xử phạt bị cáo Trần Hoài N 01 năm 03 tháng tù, bị cáo Trần Tuấn K 01 năm tù.

Về phần xử lý vật chứng đề nghị giữ y án sơ thẩm tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô hiệu YAMAHA, loại Exciter 150 màu đen, biển số 68P1-401.43, số máy: G3D4E472480, số khung: 0610HY451359, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 027027, biển số đăng ký 68P1-401.43 do Trần Tuấn Kiệt đứng tên chủ sở hữu.

*Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Tuấn Kiệt trình bày:

Luật sư nhất trí với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Tuấn K. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo K và bị cáo N là anh em chung vụ, số tiền phạm tội không lớn, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo K được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ hoặc cho bị cáo K thời hạn tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo. Còn chiếc xe thu giữ của bị cáo K là tài sản chung của hai vợ chồng, là phương tiện chính để làm ăn của gia đình, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên đề nghị cho gia đình bị cáo K xin lại chiếc xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Hoài N và Trần Tuấn K và các bị hại về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về Quyết định của bản án sơ thẩm:

Vào khoảng 15 giờ ngày 14/9/2017, bị cáo Trần Hoài N kêu gọi Nguyễn Văn D, Trần Tuấn K, Nguyễn Vũ T, Nguyễn Thái B và Trần Tấn P đến tiệm bán gà của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị M tại ấp Bãi Vòng, xã Hàm Ninh đe dọa sẽ dùng vũ lực, uy hiếp tinh thần của ông T và bà M nhằm chiếm đoạt 1.000.000 đồng và 02 con gà. Đến khoảng 12 giờ ngày 02/10/2017, bị cáo Trần Tuấn K tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 68P1-401.43 đến tiệm bán gà của ông Toàn và bà Mười để chiếm đoạt 1.000.000 đồng. Bị cáo Trần Hoài N có hành vi kêu gọi các bị cáo khác đi đến tiệm gà của người bị hại để lấy tiền bảo kê, mặc dù bị cáo không trực tiếp tham gia đến uy hiếp người bị hại và lấy tài sản, tuy nhiên, hành vi của bị cáo N là vai trò cầm đầu, chỉ huy. Bị cáo Trần Tuấn K đã có hành vi trực tiếp đến tiệm gà bị hại, trực tiếp đe dọa và uy hiếp tinh thần của người bị hại để lấy tài sản. Do đó, bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Về kháng cáo xin cho các bị cáo giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo và cải tạo không giam giữ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt các bị cáo mức án như trên là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là người bị hại xin giảm án cho các bị cáo, bị cáo N thừa nhận hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ mới tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới nên cần chấp nhận kháng cáo, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt là phù hợp quy định của pháp luật.

Bị cáo K kháng cáo yêu cầu xin lại chiếc xe đã bị tịch thu, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo Kiệt có giấy đăng ký kết hôn ngày 08/9/2016, chiếc xe là tài sản trong thời kỳ hôn nhân, là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, tài sản cưỡng đoạt không lớn nên chấp nhận kháng cáo xin lại chiếc xe của bị cáo K.

[4] Về quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát:

Vị đại diện viện kiểm sát đề nghị giảm cho mỗi bị cáo 3 tháng tù và tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc xe của bị cáo K. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình và rất ăn năn hối hận, tài sản chiếm đoạt của người bị hại không lớn, người bị hại tha thiết xin giảm án cho các bị cáo, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn nên chấp nhận một phần quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, giảm thêm cho các bị

cáo một phần hình phạt và cho bị cáo K xin lại chiếc xe để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về quan điểm của luật sư:

Chấp nhận lời bào chữa của vị luật sư đề nghị cho bị cáo K xin lại chiếc xe, còn đề nghị tuyên cho bị cáo K thời hạn tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam là không được chấp nhận.

[6] Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội khóa XIV về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 theo nguyên tắc áp dụng những quy định có lợi cho người phạm tội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng điều luật của Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt cho các bị cáo.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự

Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự

- Xử phạt: **Trần Hoài N 01 (một) năm tù** về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo vào chấp hành án

Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự

- Xử phạt: **Trần Tuấn K 10 (mười) tháng tù** về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo vào chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 02/10/2017 đến ngày 12/02/2018.

***Về biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Trả lại cho bị cáo Trần Tuấn K 01 xe mô tô hiệu YAMAHA, loại Exciter 150 màu đen, biển số 68P1-401.43, số máy: G3D4E472480, số khung:

0610HY451359, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 027027, biển số đăng ký 68P1-401.43 do Trần Tuấn Kiệt đứng tên chủ sở hữu.

(Tang vật trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/3/2018);

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 54/2018/HS-ST ngày 11/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện P Q, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TPHCM.
- TAND cấp cao tại TPHCM.
- VKSND tỉnh.
- Trại tạm giam KG.
- Sở tư pháp
- TAND huyện
- THA huyện
- VKSND huyện
- Bị cáo.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Quốc Chiến